

Số: **473** /STC-QLG

Hà nội, ngày **25** tháng 01 năm 2024

V/v báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá trên địa bàn thành phố Hà Nội tháng 12 và 12 tháng năm 2023.

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND Thành phố.

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ báo cáo giá thị trường. Sở Tài chính báo cáo tình hình giá cả thị trường như sau:

### **I. TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG HÀ NỘI THÁNG 12 NĂM 2023**

Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nội, chỉ số giá tiêu dùng tại Hà Nội tháng 12 năm 2023 giảm 0,1% so với tháng trước, tập trung vào các nhóm hàng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,15%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,22%; May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,09%; Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,06%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%; Thuốc và dịch vụ y tế không tăng; Giao thông giảm 1,73%; Bưu chính viễn thông tăng 0,02%; Giáo dục tăng 0,01%; Văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,13%; Hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,43%; Giá vàng tăng 4,17%; Giá đô la Mỹ giảm 0,73%. Bình quân 12 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2023 chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,04%.

#### **1. Giá lương thực - thực phẩm tươi sống:**

- Giá gạo: Tháng 12/2023, thị trường Hà Nội giá gạo ổn định so với tháng trước đó. Cụ thể: Giá gạo tẻ thường ở mức bình quân 14.000 đ/kg; gạo tám thơm có giá bình quân 19.500 đ/kg. Trong năm 2023, giá gạo tăng theo xu hướng tăng của thế giới. Nguyên nhân do biến đổi khí hậu khiến nguồn cung gạo trên toàn cầu suy giảm, nhiều quốc gia tăng lượng dự trữ dẫn đến giá gạo tăng cao.

- Giá thực phẩm tươi sống: Tháng 12/2023, giá thịt lợn hơi có giảm nhẹ, giá các loại thực phẩm tươi sống ở mức bình ổn so với tháng trước đó. Cụ thể, giá các mặt hàng thịt tươi sống bình quân như sau: Giá thịt lợn hơi ở mức phổ biến là 51.000 đồng/kg, thịt lợn nạc thăn là 110.000 đồng/kg, gà công nghiệp làm sẵn là 55.000 đồng/kg, thịt gà ta còn sống 130.000 đồng/kg, thịt bò bắp 300.000 đồng/kg, thịt bò thăn 250.000 đồng/kg; Giá các loại cá: Cá chép 60.000 đồng/kg và Cá quả có giá 110.000 đồng/kg. Trong cả năm 2023: Giá thịt lợn hơi biến động tăng giảm làm nhiều đợt. Trong 2 tháng đầu năm 2023, giá thịt lợn hơi



trung bình đi ngang quanh mức 52.000 đồng/kg, sau đó giảm xuống mức 50.000 đồng/kg, trong tháng 3 đến đầu tháng 4, giá bắt đầu đà phục hồi, tăng mạnh và chạm đỉnh năm vào cuối tháng 6 và đầu tháng 7, mức giá đạt mức 63.000 đồng/kg. Tuy vậy, từ thời điểm này, giá heo bắt ngờ giảm mạnh, đến tháng 12/2023, giá heo về mức 51.000 đồng/kg. Đây là mức giá thấp nhất ghi nhận trong năm 2023.

- Giá các loại rau củ quả xanh: Tháng 12/2023, thời tiết thuận lợi nên giá một số loại rau củ quả xanh giảm nhẹ do đang mùa thu hoạch. Cụ thể: Cà chua 12.000 đồng/kg, bắp cải 12.000 đồng/kg, xu hào 5000 đồng/củ. Các loại rau củ quả xanh khác, mức giá bình ổn so với tháng trước. Nhìn chung giá các loại rau củ quả xanh trong năm 2023 ổn định do thời tiết thuận lợi cho trồng trọt.

- Giá các loại thực phẩm khác: Tháng 12 và cả năm 2023 cơ bản giữ mức ổn định, cụ thể: Muối hạt 8.000 đồng/kg; dầu thực vật 70.000 đồng/lít; đường trắng 28.000 đồng/kg; Sữa bột trẻ em dưới 6 tuổi 470.000 đồng/kg.

## **2. Vật tư nông nghiệp:**

Nhìn chung giá cả vật tư nông nghiệp trong tháng 12/2023 có xu hướng ổn định so với tháng 11/2023. Trong năm giá cả thị trường Vật tư nông nghiệp 2023 không có sự biến động lớn. Diễn biến giá cả những tháng đầu năm 2023 (Quý 1, 2) có sự biến động tăng giá, nhưng sang những quý sau (Quý 3,4) đều có xu hướng giảm giá và được giữ ổn định vào những tháng cuối năm...

Trong tháng 12/2023 giá cả số mặt hàng lúa giống đều giữ ổn định so với tháng 11/2023 do chuẩn bị bước vào vụ xuân năm 2024. Giá phân bón trong tháng 12/2023 giữ ổn định theo diễn biến của giá phân bón thị trường thế giới, giá phân Urê ở mức 10.450 đồng/kg; phân NPK 13.550 đồng/kg.

## **3. Đồ uống, nước giải khát:**

Tháng 12/2023 là tháng cuối năm, gần đầu năm mới và Tết Nguyên đán 2024, các nhà phân phối thực hiện khuyến mại cuối năm, lượng hàng hoá tại các cửa hàng có nhiều, giá một số mặt hàng có giảm nhẹ. Riêng đối với một số mặt hàng thay đổi mẫu mã, bao bì đóng gói để phục vụ dịp năm mới 2024 nên giá có tăng nhẹ.

Nhìn chung cả năm 2023, giá đồ uống ít biến động, có tăng giá nhẹ vào thời điểm tháng 6 do thời tiết nắng nóng nhu cầu tiêu thụ cao và ổn định cho đến gần cuối năm. Riêng một số mặt hàng phục vụ dịp năm mới, Tết Nguyên đán có thay đổi mẫu mã đóng gói dẫn tới giá cả tăng nhẹ.

Giá cả cụ thể một số mặt hàng hiện nay trên địa bàn như sau: Nước khoáng Lavie giá 85.000 đồng/thùng 24 chai/500ml; Rượu vang Đà Lạt (Danika) 85.000 đồng/chai 750ml; Coca Cola giá 192.000 đồng/thùng/24 lon 330ml; Bia lon Hà Nội 265.000 đồng/thùng/24 lon 330ml.

#### **4. Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt:**

\* Giá vật liệu xây dựng: Trong tháng 12/2023, giá vật liệu xây dựng nhìn chung không có biến động lớn so với tháng 11/2023, cụ thể:

- Giá các loại xi măng giữ ổn định đang giữ ở mức 1.75 triệu đồng/tấn.
- Giá sắt thép tháng 12 tăng so với tháng 11 và có mức giá 13.940 đồng/kg tăng 200 đồng/kg (Thép hoà phát).
- Giá vật liệu rời tháng 12/2023 giữ ổn định so với tháng 11/2023

\* Giá Gas: Giá gas bán lẻ trong nước tháng 12 tăng so với tháng 11 đối với bình 12kg. Giá gas Petrolimex niêm yết tại đại lý trong tháng 12 tại thị trường Hà Nội là 452.000 đồng/bình 12 kg, tăng 12.000 đồng/bình.

\* Giá nước sinh hoạt: Theo Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND Thành phố về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội, đơn giá thanh toán áp dụng từ ngày 01/7/2023.

+ Đối với các hộ dân thuộc diện gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo: Giá nước sinh hoạt là 5.973 đồng/m<sup>3</sup> cho 10 m<sup>3</sup> đầu tiên.

+ Đối với các hộ dân cư khác: Giá nước sinh hoạt từ tháng 7/2023 là 7.500 đồng/m<sup>3</sup> cho 10 m<sup>3</sup> đầu tiên.

Nhìn chung giá cả vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt trong năm 2023 không có sự biến động lớn. Tuy nhiên diễn biến giá cả những tháng đầu năm 2023 (Quý 1, 2) có sự biến động tăng giá, nhưng sang những quý sau (Quý 3,4) đều có xu hướng giảm giá và được giữ ổn định vào những tháng cuối năm.

#### **5. Dịch vụ Y tế - Giáo dục:**

- Lĩnh vực Y tế: Ngày 17/11/2023, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 22/2023/TT-BYT quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hàng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp. Do đó, giá dịch vụ y tế khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tháng 12/2023 áp dụng tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố được điều chỉnh tăng nhẹ.

Nhìn chung tình hình giá cả thị trường lĩnh vực y tế trong cả năm 2023 ổn định không có biến động, công tác kiểm soát dịch bệnh được các cơ sở y tế, các cấp chính quyền địa phương thực hiện tương đối tốt, nguồn cung và giá cả các mặt hàng thuốc, vật tư y tế được ổn định, không có biến động đột biến.

- Đối với lĩnh vực giáo dục: Tháng 12/2023 và tình hình chung năm 2023:

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 2541/UBND-KGVX ngày 11/8/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố, trong đó triển khai một số nội dung chính như sau:

+ Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn triển khai thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

+ Giao UBND các quận, huyện, thị xã quyết định số lượng, danh sách cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực thuộc theo phân cấp quản lý (lựa chọn ít nhất một cơ sở giáo dục ở mỗi cấp học) để thực hiện thí điểm đặt hàng năm học 2023-2024.

Ngày 06/11/2023, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 5645/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng Ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trong đó UBND Thành phố giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2024-2025 (thời gian hoàn thành Quý II năm 2024).

## **6. Thuốc chữa bệnh cho người:**

Tháng 12/2023: Thị trường các loại vật tư y tế (khẩu trang các loại, nước sát khuẩn ...) do lượng cung hàng tương đối dồi dào nên giá những mặt hàng trên hầu như ổn định. Giá các loại mẫu test Covid 19 trên địa bàn cũng không có biến động, chủng loại đa dạng và lượng hàng có nhiều. Trên thị trường, giá thuốc chữa bệnh cho người hầu như ổn định so với tháng 11/2023, cụ thể: Vitamin B1 hoặc B6 hoặc B12 hộp 10 vỉ x 10 viên: 76.000 đồng/hộp; Thuốc Omeprazol 20 mg có 2 vỉ, mỗi vỉ có 10 viên: 40.000/hộp; Thuốc Cefixime có thành phần là Cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil) với hàm lượng 250 mg, hộp 2 vỉ x 10 viên nén dài bao phim: 40.000 đồng/hộp; Thuốc Decolgen loại 500 mg đóng vỉ 04 viên, sản xuất tại Việt Nam: 5.500 đồng/vỉ; Thuốc Methylprednisolon 4mg hộp 10 vỉ x 10 viên: 70.000 đồng/hộp.

Năm 2023: Do nguồn cung ứng dồi dào, nên tình hình thị trường các loại vật tư y tế và giá thuốc chữa bệnh cho người dân cơ bản ổn định.

## **7. Giao thông:**

Tháng 12/2023: Tại phiên điều hành chiều 28/12 của Liên bộ Tài chính - Công Thương. Theo đó, giá xăng dầu được liên bộ Công Thương - Tài chính điều hành theo hướng giữ nguyên giá xăng RON 95, giảm nhẹ giá xăng E5, còn giá dầu tăng. Cụ thể, giá xăng E5 giảm 10 đồng/lít, giá bán xuống mức 21.180 đồng/lít. Giá xăng RON 95 giữ nguyên 22.140 đồng/lít. Trong khi đó, giá dầu

diesel tăng 260 đồng/lít, lên 19.780 đồng/lít. Còn giá dầu hỏa giảm 40 đồng/lít, về 20.450 đồng/lít, cụ thể: Xăng E5RON92 không cao hơn 21.180 đồng/lít; Xăng RON 95 không cao hơn 22.140 đồng/lít; Dầu điêzen 0.05S không cao hơn 19.780 đồng/lít; Dầu hỏa không cao hơn 20.450 đồng/lít.

Tình hình giao thông: Trong tháng 12/2023, Giá cước vận tải hành khách các tuyến cố định đi các tỉnh vẫn được giữ như trước, không có biến động. Giá cước Taxi đứng ở mức cao do thời gian vừa qua có những biến động tăng giá xăng dầu, dao động ở mức 12.500 đến 16.000 đồng/km đối với cuộc xe dưới 31 km (kể cả xe taxi điện) tùy theo từng loại xe 04 chỗ, 07 chỗ và tùy hãng xe. Tính từ đầu năm đến phiên điều chỉnh mới nhất ngày 28/12/2023, giá xăng trong nước đã trải qua 38 lần điều chỉnh, trong đó có 21 lần tăng, 14 lần giảm và 3 lần giữ nguyên. Giá cước vận tải hành khách các tuyến cố định đi các tỉnh vẫn được giữ như trước, không có biến động. Giá cước xe Taxi loại chạy xăng đứng ở mức cao trong năm 2023 tuy có những biến động tăng hoặc giảm giá nhiên liệu, dao động ở mức 12.500 đến 15.000 đồng/km đối với cuộc xe dưới 31 km tùy theo từng loại xe 04 chỗ, 07 chỗ và tùy hãng xe. Đối với xe taxi xanh, giá mở cửa là 17.000 đồng, đến km 25 là 16.500 đồng/km, từ km 26 trở lên là 12.000 đồng/km.

- Giá dịch vụ trông giữ xe: Tại địa bàn Thành phố đang thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 15/12/2018 của UBND Thành phố.

+ Xe máy: Tại địa bàn các quận của Hà Nội: Thu 5.000 đồng/lượt đối với các bãi xe (tại các bãi xe trong khuôn viên bệnh viện, trường học, chợ thu 3.000 đồng/vé).

+ Ô tô: Thu theo lượt 60 phút tại các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường vành đai 1 và trên Vành đai 1 (trừ quận Hoàn Kiếm) là 25.000 đồng/lượt đối với xe đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống.

## **8. Vàng, đô la Mỹ:**

a. Giá vàng trong nước tại địa bàn Hà Nội:

Tháng 12/2023: Giá vàng SJC trong tháng 12/2023 biến động mạnh chưa từng có, chạm ngưỡng 80,33 triệu đồng/lượng bán ra (ngày 26/12), mức cao nhất từ trước tới nay. Giá vàng tăng nóng gần 2 triệu đồng/lượng. Đến ngày 27/12 giá vàng SJC quay đầu giảm ngay về mức giá dưới 80 triệu đồng/lượng.

Giá vàng 24K Rồng Thăng Long của Bảo Tín Minh Châu niêm yết giá 2 chiều 62,56 – 63,25 triệu đồng/lượng), trung bình 62,905 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra).

Năm 2023: Trong những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023, giá vàng ở ngưỡng dưới 70 triệu đồng/lượng. Riêng tháng 3/2023, giá vàng tăng

cao lên mức 74,4 triệu đồng/lượng, từ tháng 3 đến tháng 8/2023 biến động theo chiều hướng giảm nhẹ xuống dưới mức 70 triệu đồng/lượng rồi tăng mạnh trong tháng 9, vàng SJC tăng khoảng 1,2% so với đầu năm, vàng Rồng Thăng Long tăng 3,52% so với đầu năm.

Trong Quý IV/2023 ngay từ tháng 10, giá vàng địa bàn Hà Nội tiếp tục tăng cao do nhu cầu mua vào tăng và những biến động tăng của thị trường vàng thế giới, đã có lúc tăng vượt mức 80 triệu đồng/lượng bán ra rồi lại giảm nhanh. Ngày 31/12/2023 Vàng Doji HN niêm yết giá vàng SJC ở mức 68 - 74 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra). Các thương hiệu khác niêm yết chủ yếu ở mức 70 - 74 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra). Như vậy, chênh lệch (mua vào - bán ra) của vàng SJC của các cửa hàng vàng đang ở mức từ 4 - 6 triệu đồng/lượng.

Giá vàng miếng liên tiếp lập đỉnh giá mới trong hai tuần của tháng cuối năm. Ước tính, mỗi lượng vàng miếng đã tăng 3,5 triệu đồng trong chục ngày cuối tháng. So với đầu năm, mỗi lượng vàng miếng đã tăng hơn 11 triệu đồng, tương đương mức tăng hơn 16% một năm. Giá vàng trong nước đang đắt hơn giá vàng thế giới tới gần 18 triệu đồng/lượng.

Nguyên nhân tăng: Những biến động mạnh của giá vàng do 3 nguyên nhân chính:

- Nguyên nhân thứ nhất là do chính sách tiền tệ của Mỹ sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định không tăng lãi suất nữa, thậm chí có thể tới giữa năm 2024 sẽ giảm lãi suất. Có thể giá trị của đồng đô la Mỹ ít nhiều suy giảm nên khi USD tăng thì vàng giảm, USD giảm thì vàng tăng;

- Nguyên nhân thứ 2, giá vàng tăng do tình hình địa chính trị trên thế giới vẫn còn rất phức tạp và căng thẳng. Xung đột Nga - Ukraine kéo dài thời gian qua vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại. Tiếp nữa là xung đột giữa Israel với Hamas, mặc dù có lệnh ngừng bắn nhưng chưa rõ ràng. Khi tình hình địa chính trị căng thẳng sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới. Các nhà đầu tư, các quỹ kinh tế sẽ tìm nơi trú ẩn vào vàng. Tính đến quý III/2023, các ngân hàng trung ương của các nước đã mua vào khoảng hơn 800 tấn vàng. Nhất là Trung Quốc, tháng nào họ cũng đều đặn mua vào vài chục tấn vàng. Ước tính chỉ trong 3 quý đầu năm, họ đã mua vào khoảng 170 tấn vàng;

- Nguyên nhân thứ 3 khiến giá vàng tăng là do quý 4 là thời điểm tiêu thụ vàng nữ trang cao nhất trong năm. Theo thống kê, năm nào cũng vậy, chỉ trong khoảng 1 tháng, từ lễ Tạ Ơn của Mỹ đến Lễ Giáng sinh, giá vàng sẽ tăng từ 2-3%. Vì vậy, theo thời vụ, giá vàng tăng do nhu cầu mua sắm cuối năm, mùa cưới của các nước...;

- Ngoài ra, vàng đã tăng giá mạnh sau khi một số ngân hàng của Mỹ bị đóng cửa hồi đầu năm nay, lạm phát yếu đã đẩy giá vàng lên mức cao.

Nguyên nhân giảm:

- Giá vàng chỉ giảm tùy từng thời điểm, nguyên nhân giảm do chịu áp lực phục hồi của đồng USD và lợi suất trái phiếu tăng. Đồng USD tăng đạt mức cao nhất trong 20 năm qua khiến vàng trở nên đắt đỏ hơn đối với những người nắm giữ bằng các loại tiền tệ khác. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng lên và đạt mức cao nhất trong nhiều năm làm tăng chi phí cơ hội việc nắm giữ tài sản không lãi suất như vàng. Từ đó, thị trường vàng thiếu vắng người mua, giá vàng thêm sức ép đi xuống.

- Khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục tăng lãi suất.

b. Ngoại tệ:

Tháng 12/2023: Trên thị trường thế giới, USD Index đạt 101,060 ngày 31/12. Ngày 31/12, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố tỷ giá trung tâm ở mức 23,866 VND/USD. Tỷ giá bán tham khảo tại Sở giao dịch NHNN mua bán lên mức 23.400 - 25.049 VND/USD. Giá mua USD tại các ngân hàng hiện nằm trong khoảng 23.400 - 25.009 VND/USD, trung bình 24.205 VND/USD còn giá bán ra duy trì trong phạm vi 24.430 - 24.472 VND/USD, trung bình VND/USD.

Trên thị trường tự do, đồng USD được giao dịch ở mức 24.650 - 24.690 VND/USD, trung bình 24.451 VND/USD.

Năm 2023: Ngoài thời điểm đầu năm có những biến động sau sự sụp đổ của Ngân hàng Thung lũng Silicon và Ngân hàng Signature, đồng USD luôn có xu hướng tăng nhẹ từ tháng 5/2023 đến nay, tăng khoảng 3,8% so với đầu năm. Quý IV/2023, đồng USD vẫn tăng đều đến tháng 12/2023, sau đó giảm liên tục đến cuối tháng, kết thúc năm giao dịch 2023 với mức giảm hàng năm lần đầu tiên kể từ năm 2020 so với đồng Euro và các loại tiền tệ khác, do kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất vào năm tới, khi lạm phát giảm. Chốt năm 2023, USD Index đạt 101,060.

### **9. Giải trí và du lịch:**

Giá một số dịch vụ cụ thể trên địa bàn tháng 12/2023: Du lịch trọn gói Hà Nội – Hạ Long: 1.500.000 đồng/người, The Sinh Tourist Hà Nội. Văn phòng công ty số 22 Bát Đàn, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Giá phòng nghỉ cũng không thay đổi so với các tháng trước: Phòng khách sạn 3 sao hoặc tương đương: 1.000.000 đồng/ngày đêm, phòng nhà khách tư nhân (01 giường, điều hoà, nước nóng lạnh, wifi): 250.000 - 300.000 đồng/ngày đêm, trung bình 275.000 đồng/ngày đêm.

Nhìn chung trong 12 tháng của năm 2023, trừ những ngày nghỉ cuối tuần, giá các dịch vụ giải trí và du lịch có tăng nhẹ nhưng lại giảm về giá cũ

trong những ngày bình thường. Hiện nay có rất nhiều gói du lịch giá rẻ trọn gói cả trong và ngoài nước để lựa chọn.

## 10. Biểu chỉ số giá tiêu dùng thành phố Hà Nội tháng 12/2023

(Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nội)

	Chỉ số giá 12 tháng 2023 so với (%)			
	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân 12 tháng năm 2023 so cùng kỳ
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>104,77</b>	<b>104,77</b>	<b>99,90</b>	<b>102,04</b>
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	102,71	102,71	100,15	103,12
<i>Trong đó: 1- Lương thực</i>	108,86	108,86	100,56	104,22
<i>2- Thực phẩm</i>	102,22	102,22	100,15	102,38
<i>3- Ăn uống ngoài gia đình</i>	101,76	101,76	100,00	104,73
II. Đồ uống và thuốc lá	102,79	102,79	100,22	103,37
III. May mặc, mũ nón, giày dép	101,72	101,72	100,09	101,70
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	104,13	104,13	99,94	101,85
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,00	100,00	100,06	100,79
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	100,27	100,27	100,00	100,33
VII. Giao thông	101,96	101,96	98,27	98,27
VIII. Bưu chính viễn thông	98,60	98,60	100,02	99,25
IX. Giáo dục	138,36	138,36	100,01	105,89
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	97,57	97,57	100,13	100,89
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	107,09	107,09	100,43	104,69
<b>Chỉ số giá vàng</b>	<b>115,78</b>	<b>115,78</b>	<b>104,17</b>	<b>105,58</b>
<b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	<b>100,79</b>	<b>100,79</b>	<b>99,27</b>	<b>102,08</b>

## 11. Giá một số mặt hàng trên thị trường Hà Nội tháng 12 năm 2023

(có Biểu phụ lục chi tiết kèm theo).

### II. KẾT QUẢ CÔNG VIỆC CHỦ YẾU HOÀN THÀNH NĂM 2023:

#### 1. Về cơ chế, chính sách:

- Trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết:

+ Số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố trong đó quy định một số nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

+ Số 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn Thành phố.

- Trình UBND Thành phố ban hành Quyết định uỷ quyền đối với một số nội dung:

+ Ban hành Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 về việc uỷ quyền phê duyệt điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất đối với thửa đất có giá trị theo quy định tại Bảng giá đất dưới 30 tỷ đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Ban hành Quyết định số 3662/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 về việc uỷ quyền thông báo danh sách tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá tại các Sở chuyên ngành thuộc thành phố Hà Nội.

+ Ban hành Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 về việc uỷ quyền các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND Thành phố liên quan đến xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

+ Ban hành Văn bản số 1190/UBND-KTTH ngày 21/4/2023 về việc phân cấp cho cấp huyện ban hành thẩm định và phê duyệt giá đất sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp, đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân được giao đất sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp, đất ở theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP và Điều 48 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP.

- Trình UBND Thành phố:

+ Ban hành Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 sửa đổi Điều 1 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND Thành phố quy định thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

+ Ban hành Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 về chính sách ưu đãi tiền thuê đất trong các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố.

+ Quyết định bãi bỏ Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của UBND Thành phố về việc ban hành giá bán nước sinh hoạt và Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của UBND Thành phố phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch không dùng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội;

+ Hoàn thiện dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND Thành phố quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng khi được Nhà nước giao đất tái định cư để giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Về việc chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất khi thực hiện GPMB thực hiện dự án trụ sở Bộ Công an tại 44 Yết Kiêu, 30 Trần Bình Trọng, 47 Phạm Văn Đồng trên địa bàn các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Cầu Giấy.

+ Về việc tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố.

- Ban hành Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 ban hành Quyết định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 đối với các trường hợp áp dụng hệ số theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: Thu tiền sử dụng đất khi giao đất không thông qua đấu giá; thu tiền sử dụng đất khi tổ chức được công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất khi bán lại nhà ở xã hội; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Ban hành Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 ban hành Quyết định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 đối với các trường hợp áp dụng hệ số theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: Thu tiền thuê đất, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê; thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Ban hành Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND Thành phố quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng khi được Nhà nước giao đất tái định cư để giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **2. Công tác thẩm định giá:**

- Trình UBND Thành phố ban hành:

+ Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 kiện toàn Hội đồng Thẩm định giá đất cụ thể Thành phố;

- Trình UBND Thành phố quy định quy chế hoạt động của Hội đồng Thẩm định giá đất cụ thể Thành phố và Quyết định kiện toàn Tổ giúp việc Hội đồng Thẩm định giá đất cụ thể Thành phố.

- Ban hành Thông báo Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2023;

- Ban hành Quyết định về việc Kiện toàn Tổ giúp việc cho Bộ phận thường trực triển khai thực hiện Luật phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Rà soát báo cáo Hội đồng Thẩm định giá đất cụ thể Thành phố phương án giá đất cụ thể làm căn cứ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả một lần của 24 Dự án trên địa bàn Thành phố;

- Thẩm định giá đất cụ thể làm cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND Thành phố phê duyệt làm căn cứ:

+ Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất của 13 dự án.

+ Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với 26 Dự án.

- Thẩm định phương án giá dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích, đề án phí, lệ phí: (1) Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố; (2) đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường; (3) phương án giá sản phẩm dịch vụ công ích "Tình dịch lợn phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo lợn trên địa bàn Thành phố" trên địa bàn Thành phố; (4) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố; (5) Phương án giá "công tác quản lý, bảo trì hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hà Nội"; (6) phương án giá dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố; (7) phương án điều chỉnh đơn giá DVVTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố; (8) đơn giá thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố; (9) đơn giá thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố; (10) phương án giá duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố; (11) phương án giá phối giống cho bò có chữa (thụ tinh nhân tạo bằng tinh bò Senepol); (12) đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện lớn trên địa bàn Thành phố; (13) đề án tăng mức thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử trên địa bàn Thành phố; (14) phương án giá dịch vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội; (15) phương án giá "công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố Hà Nội".

- Thẩm định phương án giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trong lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội tại 02 trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng người tâm thần; phương án giá dịch vụ thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố.

- Trình UBND Thành phố đề nghị phê duyệt phương án cấp bù khi thực hiện cung cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Chi Đông và Quang Minh, huyện Mê Linh năm 2021; phê duyệt kinh phí hỗ trợ giá nước sinh hoạt cho các hộ dân 03 xã: Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn năm 2021.

- Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của 09 dự án trên địa bàn Thành phố.

- Báo cáo về việc điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền thuê đất đối với trường hợp thuê đất hàng năm thông qua đấu giá được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy hoạch tại ô quy hoạch DX-12 Khu đô thị mới Việt Hưng.

### **3. Công tác đăng ký giá, kê khai giá, báo cáo giá cả thị trường:**

- Báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá trên địa bàn Thành phố Hà Nội các tháng năm 2023.

- Tiếp nhận và kiểm tra các bộ hồ sơ kê khai giá, thông báo giá hàng hóa và thực hiện công khai trên trang web của Sở Tài chính.

- Ban hành Thông báo Danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá tại các Sở chuyên ngành thuộc thành phố Hà Nội.

### **4. Công tác định giá tài sản trong tổ tụng hình sự:**

- Trình UBND Thành phố ban hành Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về việc kiện toàn Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố.

- Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố đã ban hành 17 Kết luận định giá theo yêu cầu định giá tài sản của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng.

### **5. Công tác kiểm tra giá:**

Thành lập Đoàn kiểm tra Liên ngành Thành phố kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý Nhà nước về giá, phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023; ban hành Kế hoạch Kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý Nhà nước về giá, phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 1 NĂM 2024:**

- Tiếp tục triển khai xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: Thu tiền thuê đất; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê; thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức trên địa bàn thành phố Hà Nội và hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 đối với các trường hợp áp dụng hệ số theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính thu tiền sử dụng đất khi giao đất không thông qua đấu giá; tổ chức được công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất khi bán lại nhà ở xã hội; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Thẩm định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND Thành phố.

- Rà soát báo cáo UBND Thành phố phương án giá đất cụ thể làm căn cứ thu tiền sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính bổ sung do điều chỉnh quy hoạch, tiền thuê đất trả 01 lần để thực hiện các dự án trên địa bàn Thành phố.

- Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo đề nghị của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, xác định giá trị tài sản tịch thu, thanh lý, thi hành án, tòa án án theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

- Các công việc chuyên môn thường xuyên và công việc đột xuất theo chỉ đạo.

Sở Tài chính Hà Nội kính báo cáo UBND Thành phố, Bộ Tài chính./.

**Nơi nhận:**

- Cục quản lý giá-Bộ TC (để b/c);
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Sở Công Thương (để p/h);
- Phòng THPTK (để đăng tải);
- L-u VT, QL.G.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Thành Tâm**

## BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 12 NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo tháng 12 và cả năm 2023 số: 473/STC-QLG ngày 25 tháng 01/2024 của Sở Tài chính Hà Nội)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước (T10/2022)	Giá kỳ này (T11/2023)	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8-7)	(10)=(9/7)	(11)	(12)
<b>I.</b>	<b>1</b>	<b>LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM</b>									
1	10.001	Gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	bán lẻ	13.000	14.000	1.000	7,692%		
2	10.002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	bán lẻ	18.000	19.500	1.500	8,333%		
3	10.003	Thịt lợn hơi		đ/kg	bán lẻ	53.000	52.000	-1.000	-1,887%		
4	10.004	Thịt lợn nạc thân		đ/kg	bán lẻ	120.000	110.000	-10.000	-8,333%		
5	10.005	Thịt bò thân	Loại 1	đ/kg	bán lẻ	250.000	250.000	0	0,000%		
6	10.006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 – 300 gram/cái	đ/kg	bán lẻ	300.000	300.000	0	0,000%		
7	10.007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 – 2kg /1 con	đ/kg	bán lẻ	120.000	130.000	10.000	8,333%		
8	10.008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lông, loại 1,5 – 2kg /1 con	đ/kg	bán lẻ	50.000	55.000	5.000	10,000%		
9	10.009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg	bán lẻ	145.000	140.000	-5.000	-3,448%		
10	10.010	Cá quả	Loại 2 con/1 kg	đ/kg	bán lẻ	120.000	110.000	-10.000	-8,333%		
11	10.011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg	đ/kg	bán lẻ	60.000	60.000	0	0,000%		
12	10.012	Tôm rào, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40-45 con/kg	đ/kg	bán lẻ	300.000	300.000	0	0,000%		
13	10.013	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	bán lẻ	15.000	12.000	-3.000	-20,000%		
14	10.014	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	bán lẻ	20.000	15.000	-5.000	-25,000%		
15	10.015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	bán lẻ	15.000	15.000	0	0,000%		
16	10.016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	bán lẻ	20.000	12.000	-8.000	-40,000%		
17	10.017	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg	bán lẻ	9.000	8.000	-1.000	-11,111%		Muối biển sạch
18	10.018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lít	bán lẻ	70.000	70.000	0	0,000%		Neptune
19	10.019	Đường trắng kết tinh, nội	Gói 01 kg	đ/kg	bán lẻ	28.000	28.000	0	0,000%		Đường tinh Biên Hoà
	10.020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Ghi rõ quy cách	đ/kg	bán lẻ	470.000	470.000	0	0,000%		Sữa bột Abbot Similac IQ Plus 4 loại 900 g
<b>II</b>	<b>2</b>	<b>VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>									
21	20.001	Giống kang dân siêu nguyên chủng TU		đ/kg	Bán lẻ	27.000	23.000	-4.000	-14,815%	Ks giá giống	
	20.002	Giống bắc thơm số 7		đ/kg	Bán lẻ	25.000	23.000	-2.000	-8,000%		
	20.003	Giống bắc thơm số 1		đ/kg	Bán lẻ	25.000	23.000	-2.000	-8,000%		
	20.004	Giống lúa nếp 87, cấp NC		đ/kg	Bán lẻ	25.000	26.000	1.000	4,000%		
	20.005	Giống lúa nếp 97, cấp NC		đ/kg	Bán lẻ	25.000	26.000	1.000	4,000%		
25	20.057	Thuốc thú y	Plormax100 oral	lit	Bán buôn	320.000	320.000	0	0,000%		CTCP Medion VN
26	20.058	Thuốc trừ sâu	Basu 250 WP	đ/gói	Bán lẻ	6.510	6.510	0	0		Thuốc Thú y TU 1

27	20.059	Thuốc Trừ Bệnh	Ampico	đ/gói (20gam)	bán lẻ	27.700	27.700	0	0		CT Thuốc sát trùng VN
29	20.061	Phân đạm urê	Đạm Phú Mỹ hàng thương mại	đ/kg	Bán lẻ	11.600	10.450	-1.150	-9,914%		Phú Mỹ
30	20.062	Phân NPK	NPK Fvieu 13-8-12	đ/kg	Bán lẻ	15.950	13.550	-2.400	-15,047%		CT CP QT Fview VN
<b>III</b>	<b>3</b>	<b>ĐỒ UỐNG</b>									
31	30.001	Nước khoáng Lavie	Chai nhựa 500ml	đ/thùng 24 chai	Bán lẻ	95.000	85.000	-10.000	-10,5%	tongkhonuoc khoang.vn	
32	30.002	Rượu vang Đà Lạt (nội)	Chai 750ml	đ/chai	Bán lẻ	80.000	85.000	5.000	6,3%	ruouvang24h .vn; ruouchuan.com	
33	30.003	Nước giải khát có ga Coca Cola	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng 24 lon	Bán lẻ	200.000	192.000	-8.000	-4,0%	thegioidouong.net	
34	30.004	Bia lon Hà Nội	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng 24 lon	Bán lẻ	260.000	265.000	5.000	1,9%	pho H/Buồm và siêu thị	
<b>IV</b>	<b>4</b>	<b>VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT, NƯỚC SINH HOẠT</b>									
35	40.001	Xi măng	PCB30 bao 50kg	đ/kg		1.750	1.750	0	0%	TT	Hoàng Thạch
36	40.002	Thép xây dựng	Phi 6 -8	đ/kg		15.450	13.940	-1.510	-10%	TT	Thép Hoà Phát
37	40.003	Cát xây	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	Bán lẻ	160.000	175.000	15.000	9%		
38	40.004	Cát vàng	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	Bán lẻ	450.000	490.000	40.000	9%		
39	40.005	Cát đen đổ nền	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	Bán lẻ	125.000	125.000	0	0%		
40	40.006	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	Bán buôn đến chân công trình	1.200	1.200	0	0%		Thạch Bàn
41	40.007	Ống nhựa	Phi 90 loại 1	đ/m	Bán buôn	66.800	94.000	27.200	41%		Tiền Phong
42	40.008	Gas đun	Loại bình 12kg (không kể tiền bình)	đ/kg	Bán lẻ	480.000	452.000	-28.000	-6%		Petrolimex
43	40.009	Nước sạch sinh hoạt	Công ty kinh doanh nước sạch Hà Nội	đ/m3	Quyết định số 38/2013/QĐUBND	5.973	7.500	1.527	26%		Trung bình 10m3 đầu tiên
<b>V</b>	<b>5</b>	<b>THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI</b>									
47	50.004	Thuốc giảm đau, hạ sốt Paracetamol 500mg vi 8 viên	Hoạt chất Paracetamol 500mg	đ/vi	Bán lẻ	5.500	5.500	0	0%		Ghi rõ tên thương mại, xuất xứ, quy cách đóng
49	50.006	Thuốc vitamin và khoáng chất	Vitamin B1 hoặc B6 hoặc B12	đ/hộp	Bán lẻ	76.000	76.000	0	0%		
50	50.007	Thuốc đường tiêu hóa	Hoạt chất Omeprazole 20 mg hoặc Hoạt chất Domperdone 10 mg	đ/hộp	Bán lẻ	40.000	40.000	0	0%		
51	50.008	Hóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết	Hoạt chất Methyl Prednisolon 4mg hoặc Hoạt chất Gliclazid 30 mg hoặc Hoạt chất Metformin 500mg	đ/hộp	Bán lẻ	70.000	70.000	0	0%		
<b>VI</b>	<b>6</b>	<b>DỊCH VỤ Y TẾ</b>									
53	60.001	Khám bệnh		đ/lượt		38.700	38.700	0	0%		BV hạng I

54	60.002	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1		đ/ngày		226.500	226.500	0	0%		BV hạng I
55	60.003	Siêu âm-04C1.1.3		đ/lượt		43.900	43.900	0	0%		
56	60.004	X-quang số hóa 1 phim-04C1.2.6.51		đ/lượt		65.400	65.400	0	0%		
57	60.005	Xét nghiệm tế bào cần nước tiểu hoặc cần Adis-04C5.2.362	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND)	đ/lượt		43.100	43.100	0	0%		
58	60.006	Điện tâm đồ		đ/lượt		32.800	32.800	0	0%		
59	60.007	Nội soi thực quản-đa dây- tá tràng ống mềm không sinh thiết-04C2.88		đ/lượt		433.000	433.000	0	0%		Đã bao gồm chi phí test HP
60	60.008	Hàn composite cố răng-03C2.5.2.14		đ/lượt		337.000	337.000	0	0%		
61	60.009	Châm cứu (các phương pháp châm)-04C2.DY125		đ/lượt		72.300	72.300	0	0%		
71	60.019	Khám cấp cứu (trong và ngoài giờ)		đ/lượt		250.000	250.000	0	0%		
72	60.020	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1		đ/ngày		232.000	232.000	0	0%		
73	60.021	Siêu âm tuyến giáp 4D	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (Bệnh viện Thu Cúc).	đ/lượt		220.000	220.000	0	0%		
74	60.022	Chụp Xquang xương lồng ngực thẳng số hóa 1 phim		đ/lượt		120.000	120.000	0	0%		
75	60.023	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động) (10 thông số)		đ/lượt		80.000	80.000	0	0%		
<b>VII</b>	<b>7</b>	<b>GIAO THÔNG</b>									
80	70.001	Trông giữ xe máy	Tại bãi thường, ban ngày	đ/lượt		5.000	5.000	0	0,0%		QĐ số 44/2018
81	70.002	Trông giữ ô tô	Tại bãi thường, ban ngày	đ/lượt 60 phút		25.000	25.000	0	0,0%		
82	70.003	Giá cước ô tô đi đường dài	HN - TN	đ/vé	Bán lẻ	70.000	70.000	0	0,0%		xe 35 - 45 chỗ
83	70.004	Giá cước xe buýt công cộng	Đi trong nội tỉnh, dưới 30km	đ/vé	Bán lẻ	7.000	7.000	0	0,0%		
84	70.005	Giá cước taxi	Lấy giá 10km đầu, loại xe 4 chỗ	đ/km		12.000	14.800	2.800	23,3%		Taxi ABC
85	70.006	Xăng E5 Ron 92		đ/lit	Bán lẻ	22.320	21.180	-1.140	-5,1%		
86	70.007	Xăng Ron 95		đ/lit	Bán lẻ	23.140	22.140	-1.000	-4,3%		
87	70.008	Dầu Diesel	0,05S	đ/lit	Bán lẻ	22.520	19.780	-2.740	-12,2%		
<b>VIII</b>	<b>8</b>	<b>DỊCH VỤ GIÁO DỤC (Hình thức học trực tiếp)</b>									
88	80.001	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập-Mức thu học phí	Các cơ sở GD trên địa bàn các phường, thị trấn	Đồng/tháng		300.000	300.000	0	0,0%		Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND (Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến bằng 75% hình
89	80.002	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)-Mức thu học phí	Các cơ sở GD trên địa bàn các phường, thị trấn	Đồng/tháng		300.000	300.000	0	0,0%		
90	80.003	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)- Mức thu học phí	Các cơ sở GD trên địa bàn các phường, thị trấn	Đồng/tháng		300.000	300.000	0	0,0%		

91	80.004	Dịch vụ giáo dục đào tạo nghề công lập	Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản - Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Bắc Thăng Long	Đồng/tháng		900.000	900.000	0	0,0%		thức học trực tiếp)	
<b>IX</b>	<b>9</b>	<b>GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH</b>										
95	90.001	Du lịch trọn gói trong nước	Cho 1 người chuyển 2 ngày 1 đêm (từ Hà Nội đến Hạ Long)	đ/người/chuyến		1.500.000	1.500.000	0	0,0%			
96	90.002	Phòng khách sạn 3 sao hoặc tương đương	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi	đ/ngày-đêm		1.000.000	1.000.000	0	0,0%		Khách sạn 3 sao Ladolcevita, 53 Hàng Bò-Hoàn Kiếm	
97	90.003	Phòng nhà khách tư nhân	1 giường, điều hoà, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín	đ/ngày-đêm		275.000	275.000	0	0,0%			
<b>X</b>	<b>10</b>	<b>VÀNG, ĐÔ LA MỸ</b>										
98	100.001	Vàng 99,99%	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ, giá trung bình mua vào - bán ra	1000 đ/chỉ		54.995	62.905	7.910	14,4%		Vàng BTMC Trần Nhân Tông	
99	100.002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD, giá trung bình mua vào - bán ra	đ/USD		23.515	24.670	1.155	4,9%		Giá mua vào và bán ra của ngân hàng thương mại	
<b>XI</b>		<b>GIÁ KÊ KHAI CÁC MẶT HÀNG TRÊN ĐỊA BÀN</b>							<b>Năm 2023 tiếp nhận 1.105 hồ sơ kê khai giá, thông báo giá.</b>			
<b>XII</b>		<b>GIÁ ĐĂNG KÝ CÁC MẶT HÀNG TRONG DANH MỤC BÌNH ỔN GIÁ TRONG THỜI GIAN THỰC HIỆN BIỆN PHÁP BÌNH ỔN GIÁ</b>										

